

Tăng tỷ trọng

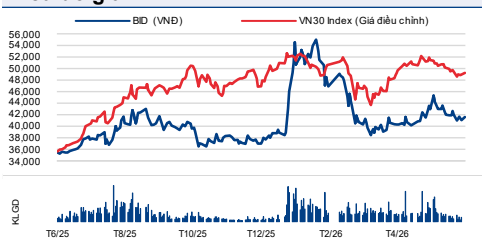
Giá mục tiêu: VNĐ46,500

Tiềm năng tăng/giảm: 11.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/6/2026)	41,600
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	35,258-55,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	41,350
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	292,089
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	11,112
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,021
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,106
Slg CP NN được mua (tr.đv)	892
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (76.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	3,331	3,614	3,987
Dư nợ cho vay (ntđ)	2,373	2,670	3,003
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	91.3	91.7	103
Lợi nhuận thuần (ntđ)	30.2	30.9	34.9
BVPS (đồng)	23,933	28,057	32,146
EPS (đồng)	4,335	4,320	4,712
DPS (đồng)	450	0	400
T.trưởng cho vay KH (%)	15.4	12.5	12.5
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	12.6	0.39	12.0
Tăng trưởng EPS (%)	18.6	(0.36)	9.08
Tăng trưởng DPS (%)	nm	(100)	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	10.4	0	8.49
ROAE (%)	19.6	16.6	15.6
ROAA (%)	0.99	0.89	0.92
Tỷ lệ NIM (%)	2.19	2.09	2.17
Tỷ lệ CIR (%)	33.4	31.5	29.9
Hệ số CAR (%)	9.03	10.1	10.6
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.47	1.60	1.40
LLR/nợ xấu (%)	99.9	104	108
Hệ số LDR (%)	107	110	109
P/B (lần)	1.74	1.48	1.29
P/E (lần)	9.60	9.63	8.83
Lợi suất cổ tức (%)	1.08	0	0.96

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Lợi nhuận tăng trưởng nhờ NIM hồi phục

- LNTT 6 tháng đầu năm 2026 của Ngân hàng mẹ ước tính đạt 18 nghìn tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ và tương đương 46% dự báo cả năm 2026 và sát với dự báo 6 tháng của HSC. Động lực tăng trưởng bao gồm thu nhập lãi thuần phục hồi, thu nhập ngoài lãi tăng trưởng và thu nhập từ thu hồi nợ xấu.
- Tỷ lệ NIM cải thiện vừa phải trong 6 tháng đầu năm 2026, trong khi nợ xấu tiếp tục gia tăng. BLĐ lưu ý rằng điều kiện thanh khoản toàn hệ thống ngân hàng đang dần hạ nhiệt sau khi lãi suất huy động tăng đủ mạnh.
- BID đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,5 lần, cao hơn 9% so với bình quân các NHTM trong phạm vi phân tích của chúng tôi (1,37 lần). HSC giữ nguyên dự báo, giá mục tiêu và khuyến nghị Tăng tỷ trọng cho BID.

Sự kiện: Hội nghị HSC Emerging Vietnam 2026

BID đã tham dự hội nghị Emerging Vietnam 2026 vào ngày 11/6/2026 và chia sẻ về KQKD sơ bộ 6 tháng đầu năm 2026 & kỳ vọng về xu hướng ngành.

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2026 tăng trưởng tích cực

LNTT 6 tháng đầu năm 2026 của Ngân hàng mẹ ước tính đạt **hơn 18 nghìn tỷ đồng**, tăng 13% so với cùng kỳ và tương đương 46% dự báo LNTT hợp nhất cả năm 2026 và sát với dự báo 6 tháng của HSC. Động lực tăng trưởng lợi nhuận bao gồm thu nhập lãi thuần phục hồi, thu nhập từ thu hồi nợ xấu mạnh (ước tính đạt 6,8 nghìn tỷ đồng), trong khi thu nhập phí và lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối cũng tích cực.

Tăng trưởng tín dụng đạt trên 3% kể từ đầu năm, chủ yếu nhờ phân khúc khách hàng bán buôn/khách hàng doanh nghiệp và phân khúc liên quan đến FDI (tăng 40% kể từ đầu năm), nhờ các doanh nghiệp sản xuất và các công ty trong chuỗi cung ứng điện tử. Ngược lại, cho vay bán lẻ giảm 1% kể từ đầu năm, chủ yếu do nhu cầu vay đảm bảo bằng BĐS suy giảm trong bối cảnh lãi suất cho vay tăng cao.

Thời gian tới, BLĐ đánh giá đầu tư công và các dự án hạ tầng là động lực chính cho tăng trưởng tín dụng. BID có danh mục cam kết tài trợ vốn khoảng 100 nghìn tỷ đồng, bao gồm dự án Đường Vành đai 4 tại Hà Nội (40 nghìn tỷ đồng), các dự án hạ tầng TP.HCM (12 nghìn tỷ đồng) và nhiều dự án cao tốc & cảng biển khác.

Tăng trưởng tiền gửi đạt khoảng 0,6% kể từ đầu năm, với thanh khoản cải thiện sau giai đoạn chịu áp lực trên toàn ngành. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn bình quân cải thiện khoảng 1 điểm phần trăm.

Tỷ lệ NIM cải thiện nhẹ do lãi suất cho vay tăng 56 điểm cơ bản so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2026 trong khi chi phí huy động tăng khoảng 36 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/6.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Ước tính LNTT Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, BID

LNTT 6 tháng đầu năm của Ngân hàng mẹ ước tính đạt 18 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 46% dự báo LNTT hợp nhất cả năm và sát với dự báo 6 tháng của HSC

	Q1/25	Q1/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% 2026F
LNTT	7,413	8,571	15.6%	16,037	18,000	12.2%	46%

Nguồn: BID, HSC

Nợ xấu đã tăng lên trong Q2/2026, đặc biệt từ nhóm DNNVV trong ngành xây dựng & thương mại, nhưng BLĐ vẫn duy trì mục tiêu tỷ lệ nợ xấu cuối năm dưới 1,6%. BID cũng đặt mục tiêu thu hồi tối thiểu 14 nghìn tỷ đồng nợ xấu trong năm 2026, nhìn chung tương đương năm ngoái.

Triển vọng tín dụng

BLĐ kỳ vọng tăng trưởng tín dụng năm 2026 sẽ sát với hạn mức tín dụng được cấp, ở mức khoảng 10,6%.

Cho vay khách hàng doanh nghiệp tiếp tục là động lực tăng trưởng chính trong 6 tháng đầu năm 2026. Trong nửa cuối năm 2026, phân khúc bán lẻ - chiếm khoảng 47% danh mục cho vay - được kỳ vọng sẽ phục hồi và trở thành động lực tăng trưởng chính.

Trong khi đó, tín dụng phân khúc khách hàng doanh nghiệp sẽ tiếp tục mở rộng, đặc biệt là ở các lĩnh vực hưởng lợi từ đầu tư công và phát triển hạ tầng.

Triển vọng lãi suất & tỷ lệ NIM

BLĐ kỳ vọng tỷ lệ NIM cả năm sẽ phục hồi lên khoảng 2,3-2,4%, so với khoảng 2% trong Q1/2026, nhờ định giá lại các khoản vay và nhu cầu tín dụng dần cải thiện.

Đối với lãi suất huy động, BLĐ cho rằng lãi suất nhiều khả năng đã đạt đỉnh và sẽ duy trì ổn định trong các quý tới. Quan điểm này được củng cố trong bối cảnh thị trường BĐS hạ nhiệt, sức hấp dẫn của vàng & các tài sản thay thế khác suy giảm, dòng tiền quay trở lại hệ thống ngân hàng và mặt bằng lãi suất huy động hiện đã đủ hấp dẫn cho nửa cuối năm 2026.

Đối với thanh khoản hệ thống, BLĐ thừa nhận điều kiện thanh khoản vẫn tương đối thắt chặt trên toàn ngành ngân hàng nhưng tiền gửi đang dần quay trở lại, cho thấy áp lực thanh khoản đang bắt đầu hạ nhiệt.

Kế hoạch tăng vốn

BIDV lên kế hoạch huy động vốn theo lộ trình sau:

- Kế hoạch “tăng vốn từ dự trữ” tương đương 6% số lượng cổ phiếu đang lưu hành đã được phê duyệt và sẽ phát hành trong những tháng tới.
- Tiếp theo, Ngân hàng đang lên kế hoạch “tăng vốn từ lợi nhuận giữ lại” tương đương 20% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Sau đó, chào bán riêng lẻ và/hoặc phát hành đại chúng. HSC ước tính đợt phát hành này sẽ được thực hiện trong năm 2027.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

Nhìn chung, KQKD 6 tháng đầu năm 2026 của BID sát với dự báo. Theo đó, HSC duy trì dự báo năm 2026, giá mục tiêu và khuyến nghị Tăng tỷ trọng.

BID đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,5 lần, cao hơn 9% so với bình quân các NHTM trong phạm vi phân tích của chúng tôi (1,37 lần).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	138	155	190	215	241
Chi phí lãi	(80.3)	(91.7)	(121)	(136)	(151)
Thu nhập lãi thuần	58.0	63.4	68.8	79.0	90.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	7.08	6.94	7.55	8.46	9.48
Lãi thuần HĐ KDNH	5.36	3.81	4.38	4.73	5.10
Lãi/lỗ từ mua bán CK	5.18	2.98	1.09	1.17	1.26
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.45	1.10	1.21	1.33	1.46
Thu nhập khác	5.02	13.1	8.69	7.98	8.09
Tổng thu nhập HĐ	81.1	91.3	91.7	103	116
Chi phí HĐ	(28.0)	(30.5)	(28.9)	(30.6)	(31.9)
LN trước dự phòng	53.1	60.9	62.8	72.0	83.7
Chi phí dự phòng	(21.0)	(23.0)	(23.8)	(27.9)	(34.0)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	32.1	37.9	39.1	44.1	49.7
Chi phí thuế TNDN	(6.40)	(7.39)	(7.81)	(8.83)	(9.94)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.47)	(0.30)	(0.36)	(0.43)	(0.51)
Lợi nhuận thuần	25.2	30.2	30.9	34.9	39.3
EPS (đồng)	3,655	4,335	4,320	4,712	5,220
DPS (đồng)	0	450	0	400	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,898	6,959	7,151	7,401	7,520
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,898	7,021	7,281	7,520	7,520
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,898	7,021	7,281	7,520	7,520

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	10.8	13.1	10.0	10.2	11.3
Tiền gửi tại NHNN	92.3	124	82.8	82.5	70.9
Tiền gửi tại các TCTD khác	280	457	467	476	485
Chứng khoán kinh doanh	12.7	30.2	33.0	36.0	39.4
Các công cụ tài chính phái sinh	0.67	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	2,018	2,338	2,625	2,958	3,315
Tổng dư nợ cho vay	2,056	2,373	2,670	3,003	3,364
Dự phòng rủi ro	(38.0)	(34.9)	(44.3)	(45.4)	(48.4)
Chứng khoán đầu tư	278	285	312	340	370
CK đầu tư sẵn sàng để bán	158	172	186	200	216
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	121	114	127	139	153
Dự phòng rủi ro	(1.20)	(0.05)	(0.05)	(0.04)	(0.04)
Đầu tư dài hạn	3.42	4.37	4.42	4.46	4.51
Tài sản cố định	12.1	13.1	13.8	14.5	15.2
Tài sản khác	52.9	65.7	65.7	65.7	65.7
Tổng tài sản	2,761	3,331	3,614	3,987	4,377
Nợ phải trả	2,616	3,157	3,404	3,739	4,098
Tiền gửi của NHNN	168	219	252	262	277
Tiền gửi của các TCTD khác	233	418	422	426	435
Tổng tiền gửi KH	1,953	2,223	2,434	2,751	3,081
Trái phiếu và CCTG	199	225	230	235	239
Nợ khác	50.5	59.8	53.8	53.8	53.8
Vốn chủ sở hữu	140	168	204	242	273
Vốn điều lệ	69.0	70.2	72.8	75.2	75.2
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	18.9	26.4	33.8	33.8
Lợi nhuận giữ lại	36.2	44.8	69.1	91.7	117
Quỹ & vốn khác của CSH	19.1	34.1	36.0	41.1	46.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	5.23	5.57	5.58	5.80	6.02
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,761	3,331	3,614	3,987	4,377
BVPS (đồng)	20,250	23,933	28,057	32,146	36,288

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.0	20.6	8.49	10.3	9.79
Tăng trưởng cho vay KH (%)	15.7	15.4	12.5	12.5	12.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	14.6	13.8	9.50	13.0	12.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.6	13.8	8.81	12.1	11.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.4	20.3	21.6	18.3	12.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	2.85	9.23	8.54	14.9	14.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.6	8.88	(5.25)	6.18	3.96
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	10.2	14.6	3.21	14.7	16.2
Tăng trưởng LNTT (%)	16.0	18.0	3.17	13.0	12.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	16.0	19.7	2.39	12.9	12.6

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.20	3.00	2.64	2.70	2.76
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.11)	(1.00)	(0.83)	(0.81)	(0.76)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.7	94.8	95.0	95.6	96.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.69	2.94	2.87	3.12	3.41
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	20.4	23.7	23.6	25.9	28.3

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	11.4	9.60	9.63	8.83	7.97
P/B (lần)	2.05	1.74	1.48	1.29	1.15
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.08	0	0.96	1.20

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	31.1	33.0	33.7	34.0	34.0
ROAA (%)	1.00	0.99	0.89	0.92	0.94
ROAE (%)	19.6	19.6	16.6	15.6	15.3
Chi phí huy động BQ (%)	3.44	3.25	3.77	3.88	3.92
Lợi suất góp BQ (%)	5.71	5.37	5.76	5.92	6.00
Lợi suất thuần (%)	2.27	2.12	1.99	2.04	2.08
Tỷ lệ NIM (%)	2.39	2.19	2.09	2.17	2.24
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.73	7.60	8.23	8.24	8.20
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	71.5	69.4	75.0	77.0	78.0
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	19.8	23.0	16.8	14.8	13.8
Tỷ lệ CIR (%)	34.5	33.4	31.5	29.9	27.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	10.4	0	8.49	9.58

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.03	9.03	10.1	10.6	10.6
VCSH/Tổng TS (%)	5.06	5.05	5.65	6.06	6.23
Đòn bẩy vốn (lần)	19.8	19.8	17.7	16.5	16.0

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.41	1.47	1.60	1.40	1.30
Hệ số LLR (%)	131	99.9	104	108	111

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	105	107	110	109	109
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	9.77	14.6	13.7	12.5	11.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	74.5	71.2	73.9	75.3	76.8

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,234	1,271	1,309	1,348	1,388
Số lượng nhân viên	30,110	31,013	31,943	32,902	33,889

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn